

Số: 69 /2016/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 19 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Phù Mỹ,
huyện Phù Mỹ năm 2016**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc ban hành Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng;

Căn cứ Thông tư số 36/2006/TT-BVHTT ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch) hướng dẫn thực hiện một số điều của Quy chế đặt tên, đổi tên đường, phố và công trình công cộng ban hành kèm theo Nghị định số 91/2005/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016 của HĐND tỉnh khoá XII, kỳ họp thứ 3 về việc Đề án đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ năm 2016;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao và Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đặt tên 31 tuyến đường trên địa bàn thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ năm 2016 (có Danh sách tên đường kèm theo).

Điều 2. Giao Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ phối hợp với Sở Văn hóa và Thể thao và các ngành liên quan tổ chức thực hiện theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 29 tháng 12 năm 2016.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa và Thể thao, Chủ tịch UBND huyện Phù Mỹ, Chủ tịch UBND thị trấn Phù Mỹ và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;
- Bộ Tư pháp (Cục KT VBQPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Ban VHXX HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Sở Xây dựng;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K5.

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT.CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

DANH SÁCH

Đặt tên đường trên địa bàn thị trấn Phù Mỹ, huyện Phù Mỹ năm 2016

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **69** /2016/QĐ-UBND

ngày 19/12/2016 của UBND tỉnh)

STT	Tuyến đường, ký hiệu loại đường	Lý trình	Chiều dài (m)	Quy hoạch			Tên đường
				Lộ giới (m)	Mặt đường (m)	Via hè hai bên (m)	
01	Quốc lộ 1A	Từ Km 1171 + 700 đến Km 1178 + 450	6750	30	15	7,5x2	Quang Trung (1753 - 1792)
02	Đường nội thị	Đập cầu sắt - đường Bùi Thị Xuân	2573076 61	161822	8812	4x25x 25x2	Võ Thị Sáu (1933 - 1952)
03	Đường nội thị	Từ suối Bình Trị - UBND huyện	697	22	12	5x2	Thanh Niên
04	Đường nội thị	Từ Cầu Ngũ- đường Trần Quang Diệu	3000	18	10	4x2	Lê Lợi (1385 - 1433)
05	Đường nội thị	Đường Nguyễn Trung Trực - đường sắt	2007,7	18	10	4x2	Chu Văn An (1292 - 1370)
06	Đường Nội thị	Đường Nguyễn Trung Trực- đường Lê Lợi	91,5258, 3 521,4	2212 18	128 10	5x22x 24x2	Nguyễn Thị Minh Khai (1910 - 1941)
07	Đường nội thị	Từ Cầu Bình Trị - đường Lê Lợi	518384	1816	108	4x24x2	Hai Bà Trưng (? - 43)
08	Đường nội thị	Đường Quang Trung (Km 1176 + 950) - đường sắt	997	16	10	3x2	Trần Quang Diệu (? - 1802)
09	Đường nội thị	Nhà ông Kiều Tấn Phong - Quang Trung (Km 1176 + 580)	262272	1610	106	3x22x2	Bùi Thị Xuân (? - 1802)
10	Đường nội thị	Đường Quang Trung (Km 1176 + 380) - Trường THPT Nguyễn Trung Trực	185	12	6	3x2	Nguyễn Văn Trỗi (1940 - 1964)
11	Đường nội thị	Nhà bà Trâm - đường Quang Trung (Km 1172 + 512)	780	6	4	1x2	Nguyễn Thanh Trà (1952 - 1975)
12	Đường nội thị	Trụ sở thôn Diêm Tiêu - đường Quang	145	12	8	2x2	Trần Thị Lý (1933 - 1992)



(Handwritten signature)

STT	Tuyến đường, ký hiệu loại đường	Lý trình	Chiều dài (m)	Quy hoạch			Tên đường
				Lộ giới (m)	Mặt đường (m)	Vĩa hè hai bên (m)	
		Trung (Km 1172 + 650)					
13	Đường nội thị	Cổng Ngõ Huệ - đường Quang Trung (Km 1173 + 950)	1115	12	6	3x2	Phan Đình Giót (1922 - 1954)
14	Đường nội thị	Đường Quang Trung (Km 1174 + 50) - Cầu Ván 1	550	6	4	1x2	Nguyễn Thị Hãnh (1949 - 1972)
15	Đường nội thị	Đường Đào Doãn Dịch - đường Quang Trung (Km 1175 + 450)	329	8	4	2x2	Lê Đình Lý (? - 1858)
16	Đường nội thị	Đường Nguyễn Trung Trực - đường Quang Trung (Km 1175 + 500)	265	10	5	2,5x2	Hồ Công Thuyên (Thế kỷ XVIII)
17	Đường nội thị	Đường Quang Trung (Km 1175 + 450) - đường Đèo Nhông - Dương Liễu	1766	22	12	5x2	Tây Sơn
18	Đường nội thị	Đường Quang Trung (Km 1177 + 212) - đường Trần Quang Diệu	757	12	7	2,5x2	Đào Duy Từ (1572 - 1634)
19	Đường nội thị	Đường Hồ Công Thuyên - đường Hai Bà Trưng	485	22	12	5x2	Nguyễn Trung Trực (1838 - 1868)
20	Đường nội thị	Tuyến T1 (Suối Cầu Sắt - đường Nguyễn Trung Trực)	520	22	12	5x2	Lê Hồng Phong (1902 - 1942)
21	Đường nội thị	Đường Nguyễn Trung Trực - đường Nguyễn Thị Minh Khai	350	8	4	2x2	Đào Doãn Dịch (1833 - 1885)
22	Đường nội thị	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Sân vận động) - đường	650	6	4	1x2	Vũ Đình Huân (Thế kỷ XVIII)

STT	Tuyến đường, ký hiệu loại đường	Lý trình	Chiều dài (m)	Quy hoạch			Tên đường
				Lộ giới (m)	Mặt đường (m)	Via hè hai bên (m)	
		Nguyễn Thị Minh Khai (nhà ông Nam)					
23	Đường nội thị	Đường Vũ Đình Huân (nhà ông Hậu) - đường Lê Lợi	271	7	4	1,5x2	Nguyễn Trọng Tri (1854 - 1922)
24	Đường nội thị	Đường Hai Bà Trưng - đường Nguyễn Chánh	150	12	6	3x2	Yết Kiêu (Thế kỷ XIII)
25	Đường nội thị	Đường Võ Thị Sáu - đường Thanh Niên	303	12	8	2x2	Nguyễn Chánh (1917 - 2001)
26	Đường nội thị	Đường Biên Cương - đường Quang Trung (Km 1176 + 500)	594	12	6	3x2	2 tháng 9
27	Đường nội thị	Đường 2/9 (Ngõ Sơn) - Ngõ Minh	350	12	6	3x2	Biên Cương (1929 - 1968)
28	Đường nội thị	Đường 2 tháng 9 - đường Lê Lợi	250	8	5	1,5x2	Lê Thị Khuông (1943 - 1969)
29	Đường nội thị	Đường Bùi Thị Xuân - đường Quang Trung (Km 1178 + 250)	1655	22	12	5x2	Trần Phú (1904 - 1937)
30	Đường nội thị	Đường Trần Phú - đường Trần Quang Diệu	1600	12	6	3x2	3 tháng 2
31	Đường tránh QL 1A	Từ Km 3 + 589 đến Km7 + 491	3902	38	26	6x2	Đèo Nhông - Dương Liễu

Tổng cộng: 31 tuyến đường.